

Bản án số: 30/2017/DS-ST  
Ngày 11 tháng 9 năm 2017  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2017/TLST-DS ngày 26-6-2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226-4/2017/QĐST-DS ngày 10-8-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226-6/2017/QĐST-DS ngày 25-8-2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT: Số nhà K333/21 đường P, phường C, quận K, TP. Đà Nẵng; hiện trú tại: Số nhà K245/15 đường Lê Duẩn, phường C, quận K, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 453 đường P, phường G, quận K, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai và Biên bản hòa giải, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Tôi và bà Trần Thị M có mối quan hệ là thông gia (con gái bà M kết hôn với con trai tôi nhưng hiện đã ly hôn). Do đó, vào ngày 20-4-2012 tôi có cho bà Trần Thị M mượn số tiền 35.000.000 đồng, và bà M hứa sẽ trả trong vòng 20 ngày. Lúc mượn, chúng tôi có viết giấy cam kết, tuy nhiên bản gốc giấy mượn tiền ngày 20-4-2012 đã mất do tôi bị tai nạn. Từ năm 2014 đến tháng 4 năm 2017, mỗi tháng bà

M trả cho tôi 500.000 đồng, tổng cộng bà M đã trả được 14.500.000 đồng. Từ đó, bà M không còn trả nợ cho tôi nữa. Hiện giờ, hoàn cảnh gia đình tôi không nhà, phải ở nhà thuê, tôi còn phải nuôi con nhỏ đang bị bệnh. Nay tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu bà Trần Thị M phải trả cho tôi số tiền là 20.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần không trả góp.

**\* Theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn - bà Trần Thị M trình bày:**

Trước đây, vào tháng 4 năm 2012, tôi có mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất là 1.000.000 đồng là 30.000 đồng tiền lời. Sau đó, vào năm 2013 vì làm ăn khó khăn vay tiền ngoài trả tiền lời nhiều nên tôi không có khả năng trả. Chính vì vậy, tôi phải đi làm ăn xa để trả nợ. Tôi đã trả cho bà T từ năm 2014 đến tháng 4 năm 2017 được 14.500.000 đồng, còn lại 20.500.000 đồng bà T yêu cầu tôi phải trả hết một lần. Nhưng hiện tôi còn thiếu nợ nhiều nên không trả hết một lần được, nên tôi chỉ xin trả mỗi tháng 500.000 đồng thì bà T không đồng ý. Nay bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án, tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị M trên cơ sở có mối quan hệ là thông gia nên vào ngày 20-4-2012, bà T có cho bà M mượn số tiền là 35.000.000 đồng. Từ năm 2014 đến tháng 4 năm 2017, mỗi tháng bà M trả cho bà T 500.000 đồng, tổng cộng bà M đã trả được 14.500.000 đồng thì không trả nữa. Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M phải trả số tiền là 20.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần không trả góp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Đơn xác nhận mượn tiền" ghi ngày 20-4-2012 và bản tự khai của bà Trần Thị M tại Tòa án; Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định việc bà Trần Thị M vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị T là có thật. Số tiền bà M vay của bà T là 35.000.000 đồng, đã trả được 14.500.000 đồng và đến nay bà M còn nợ số tiền là 20.500.000 đồng. Theo bà T trình bày thời hạn cho vay là 20 ngày, không có lãi suất còn bà M trình bày vay không có thời hạn, lãi suất là 1.000.000 đồng là 30.000 đồng tiền lời; tuy nhiên, "Đơn xác nhận mượn tiền" ngày 20-4-2012 không thể hiện thời hạn và lãi suất vay nên đây chỉ là lời khai nại của các đương sự, không có căn cứ.

[3] Theo quy định tại các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005, bản chất của việc vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị T với bà Trần Thị M là Hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không tính lãi. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi bà T có yêu cầu nên bà T có quyền khởi kiện. Các bên đương sự đều

thống nhất số tiền còn nợ là 20.500.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu trả gốc, không tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà M phải thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc là 20.500.000 đồng, không xem xét giải quyết vấn đề lãi suất.

[4] Ngoài ra, bà Trần Thị M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ nhưng không được bà Nguyễn Thị T đồng ý, ban đầu cũng không có thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm là  $20.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.025.000 \text{ đồng}$ , bị đơn phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị M.

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 20.500.000 (hai mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Án phí Dân sự sơ thẩm: 1.025.000 (một triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, bà Trần Thị M phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 512.500 (năm trăm mười hai nghìn, năm trăm) đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng theo biên lai thu số 0007342 ngày 26-6-2017.

**3.** Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Thanh Mai**